CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam

Ngày 31/12/2025	3,560 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	**-3.9%**	**-9.3%**

DT thuần
Q4/25
141
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 47.9| 51.0%
YoY: ▲ 20.0| 16.2%

LN thuần
Q4/25
6.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.31| 51.4%
YoY: ▼2.38| -25.8%

LN sau thuế
Q4/25
6.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.81| 78.0%
YoY: ▼0.18| -2.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
5.1%
YoY: +/-▲ 4.0%

ROE
2025
3.4%
YoY: +/-▲ 3.2%

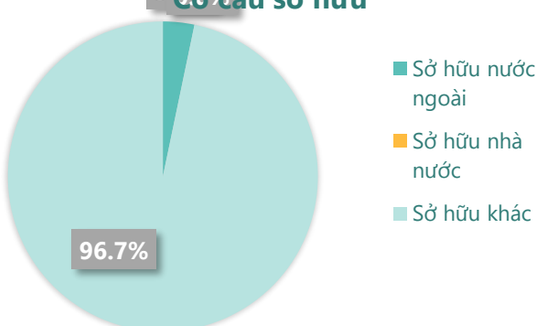
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,993 - 5,171
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
Số lượng CPLH (CP)	46,226,626
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,165
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	0.36
EPS	406
P/E	8.8

DT thuần
2025
462
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -1.5%

LN thuần
2025
22.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.8| 392%

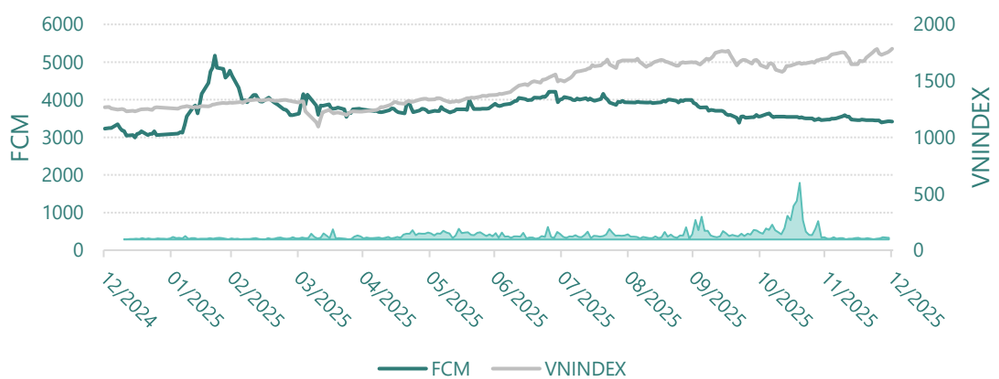
LN sau thuế
2025
18.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.8| 1767%

Cơ cấu sở hữu

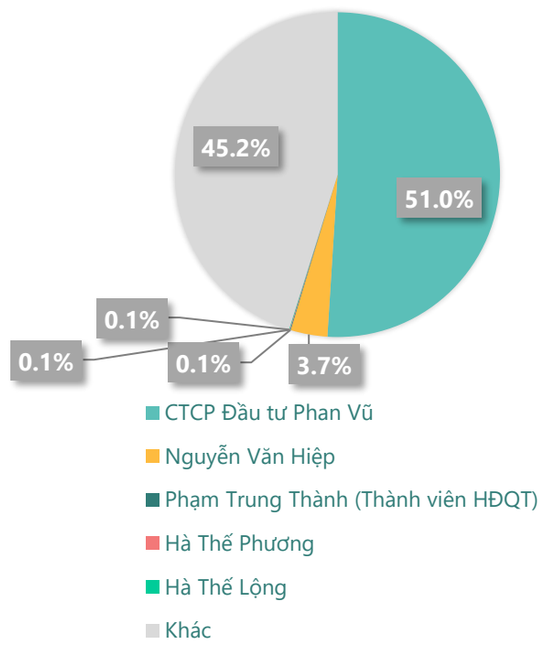


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



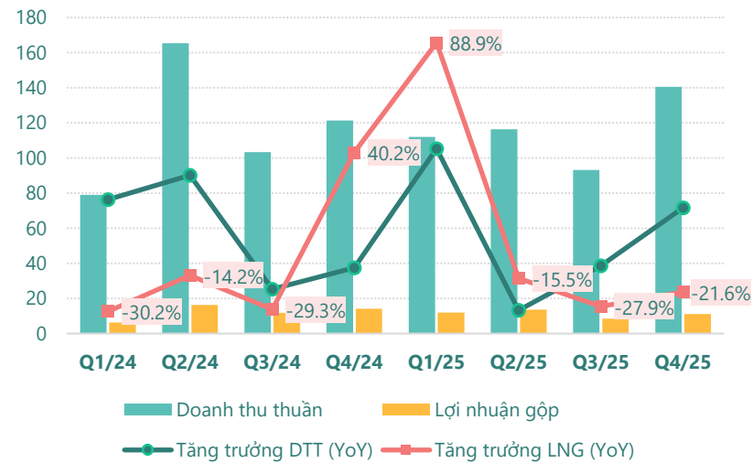
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

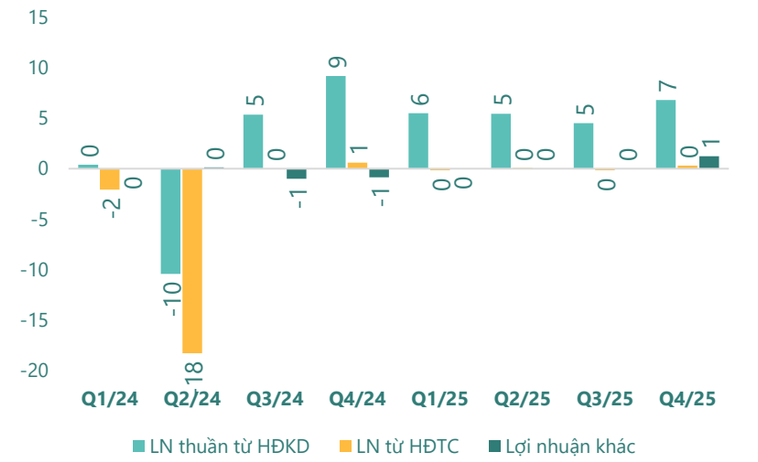
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



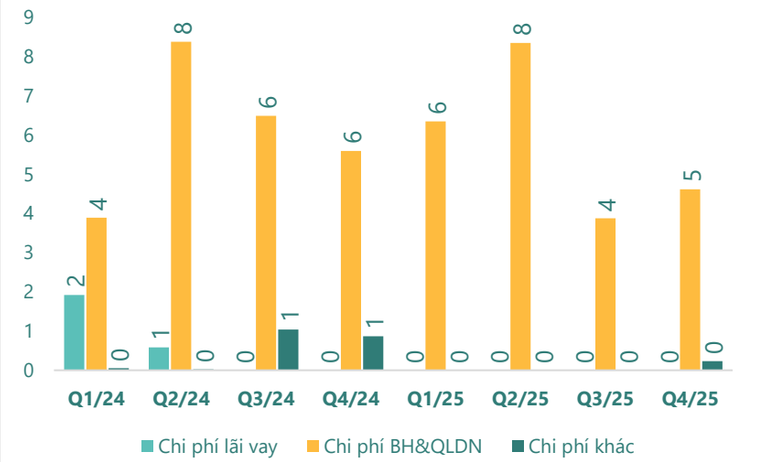
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



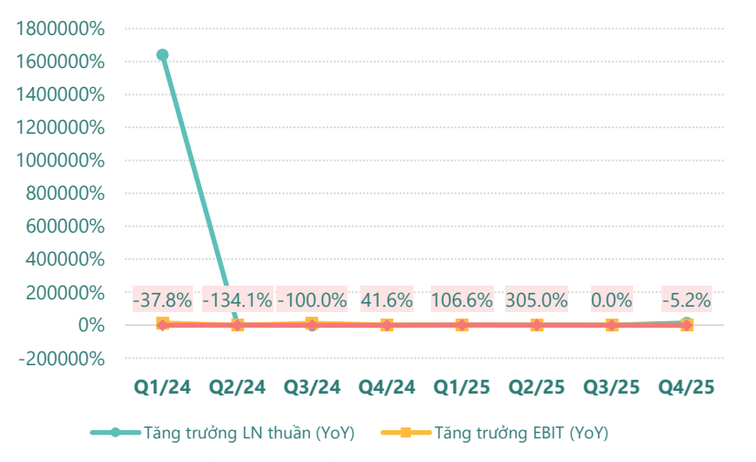
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



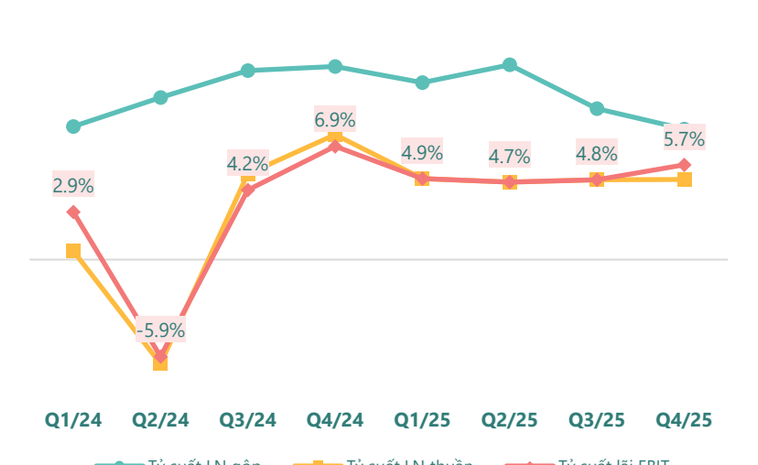
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



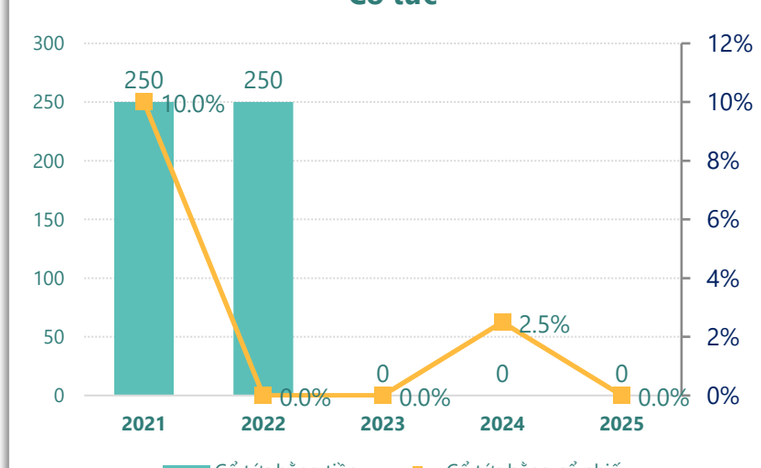
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

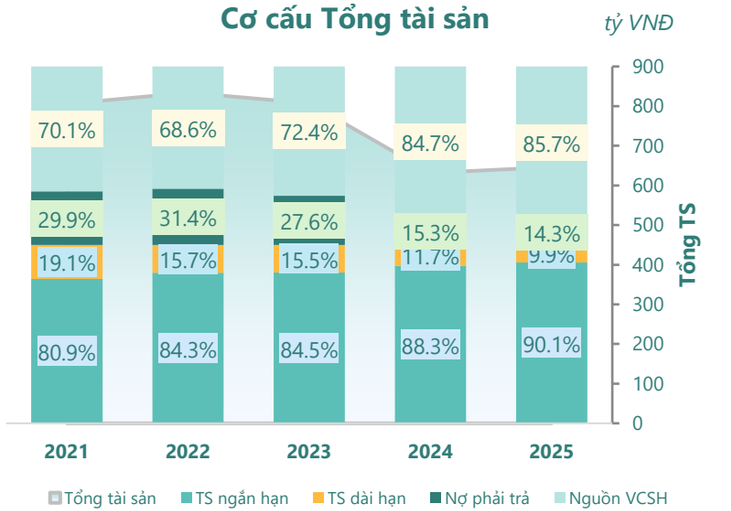
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

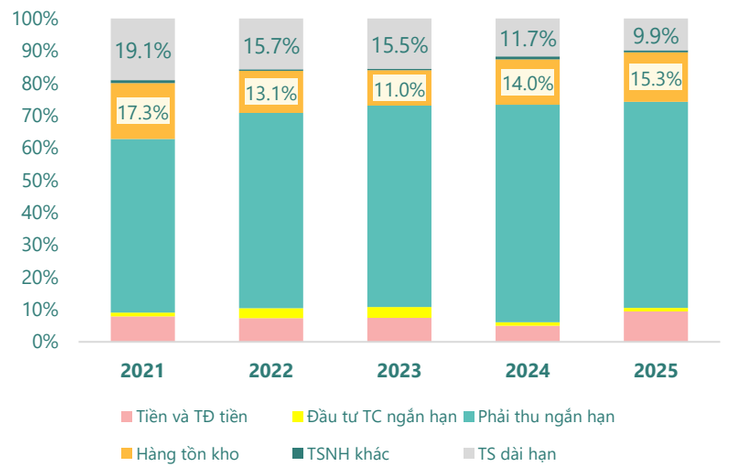
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



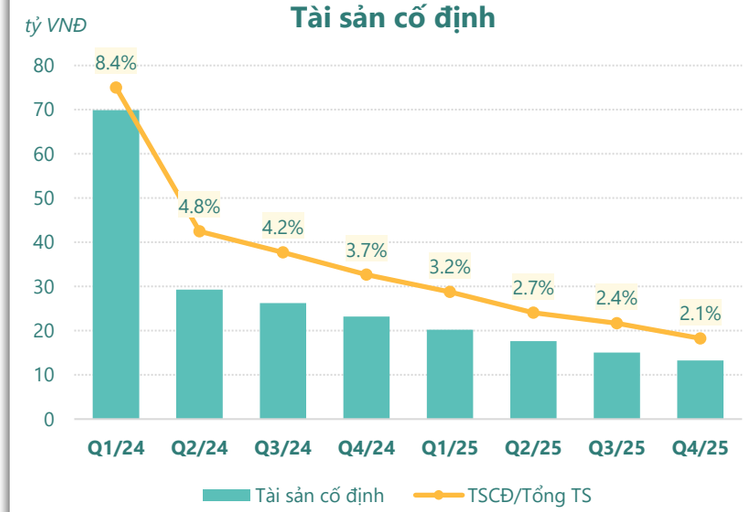
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



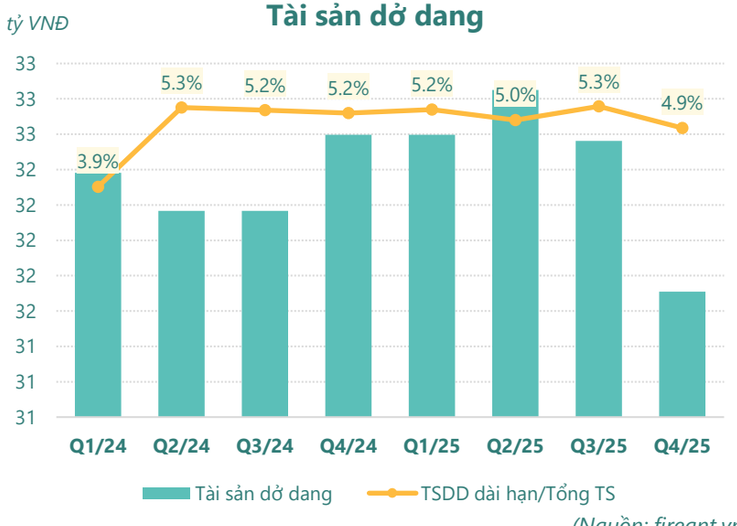
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



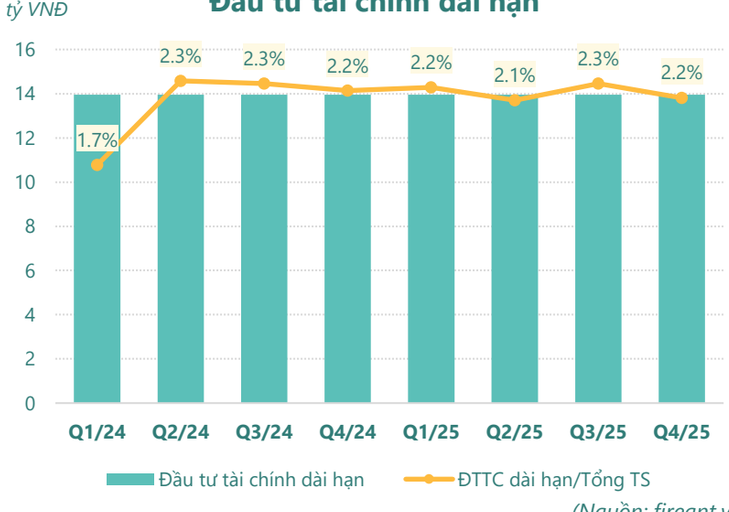
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



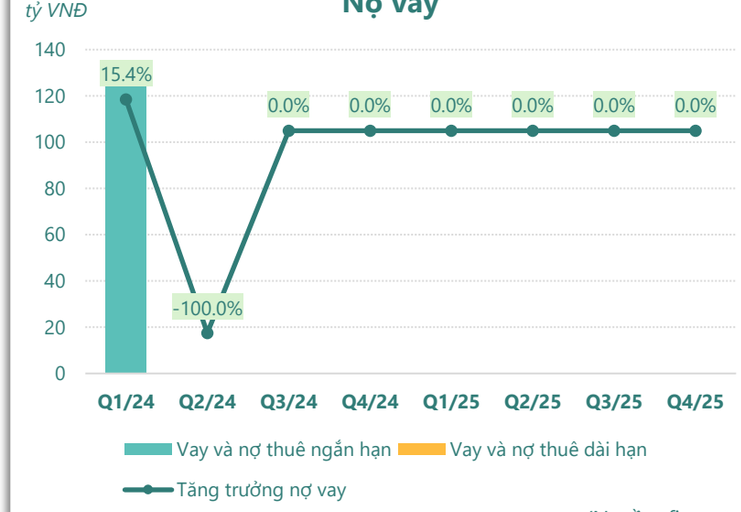
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

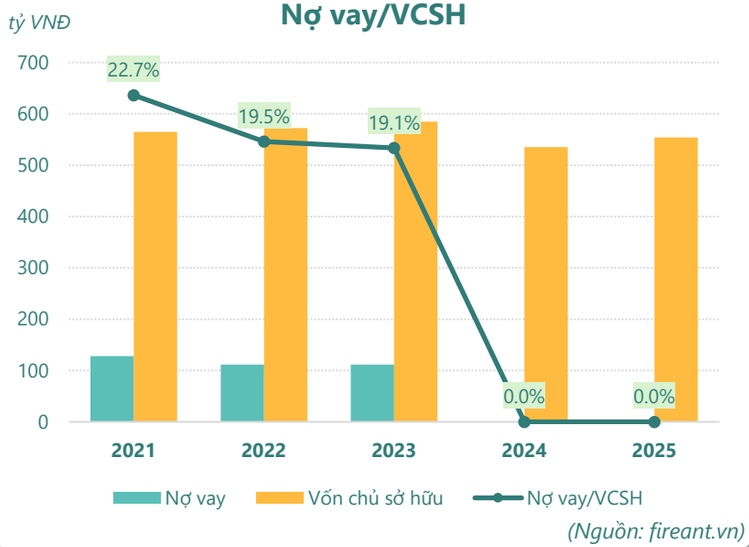
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

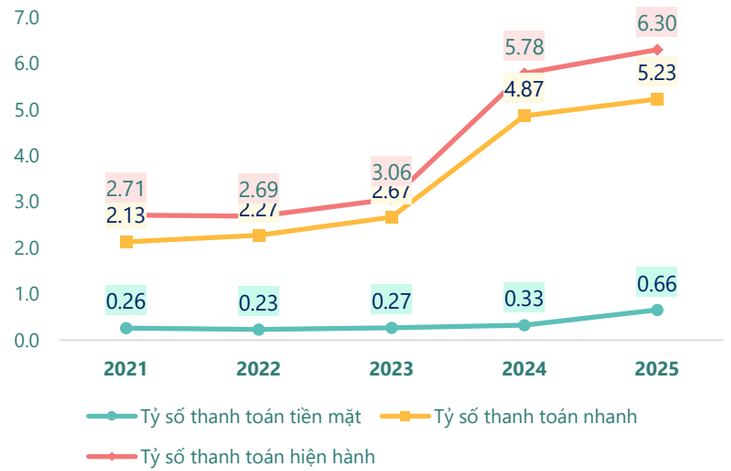
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



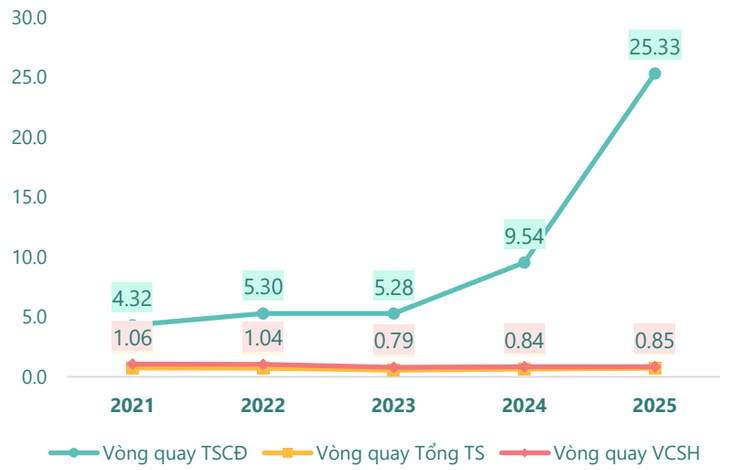
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



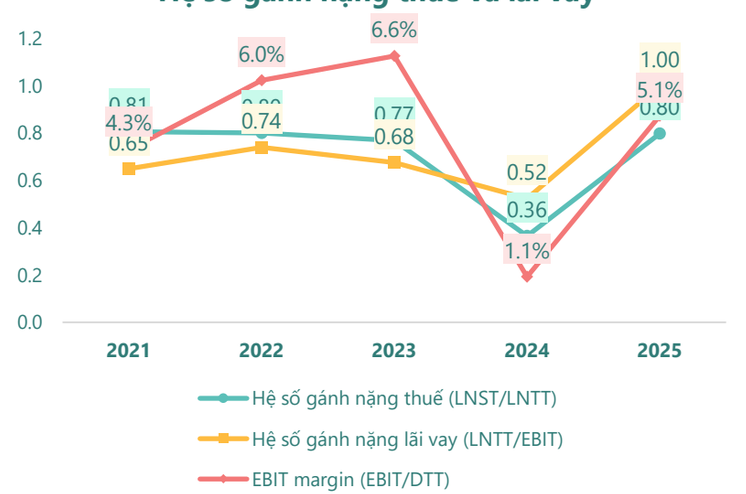
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



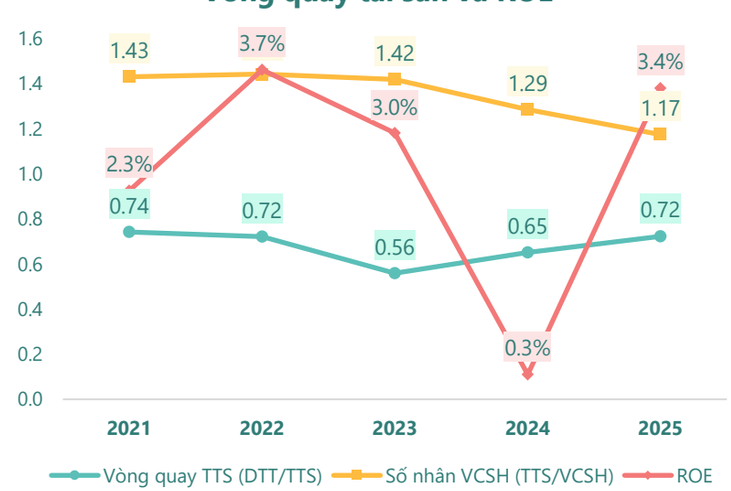
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



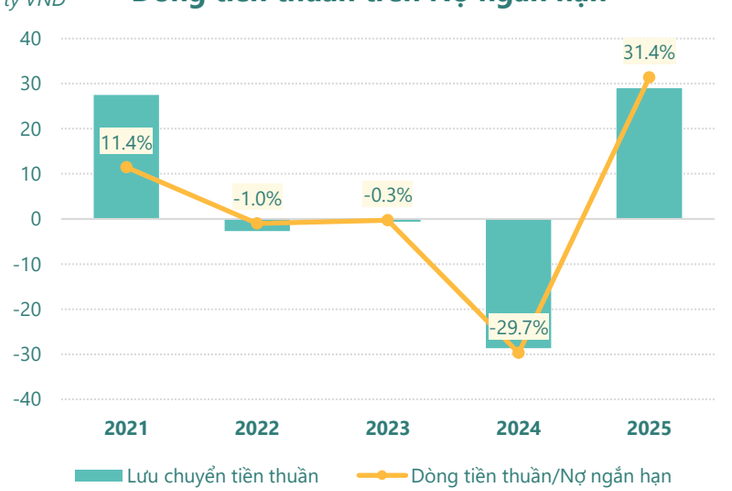
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**141**	**121**	**16.2%**	**462**	**469**	**-1.5%**
Giá vốn hàng bán	129	107	21.0%	417	420	-0.9%
Lợi nhuận gộp	11.1	14.2	-21.6%	45.4	48.6	-6.7%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.85	-48.3%	1.12	1.59	-29.1%
Chi phí TC	0.13	0.27	-51.1%	1.06	21.3	-95.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	2.51	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.66	-100%
Chi phí QLDN	**4.62**	**5.59**	**-17.4%**	**23.2**	**23.7**	**-2.1%**
LN thuần từ HĐKD	6.81	9.19	-25.8%	22.3	4.53	392%
Lợi nhuận khác	**1.25**	**-0.86**	**245%**	**1.25**	**-1.77**	**171%**
LN trước thuế	8.07	8.34	-3.3%	23.5	2.76	754%
Lợi nhuận sau thuế	**6.41**	**6.59**	**-2.8%**	**18.8**	**1.01**	**1767%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.41**	**6.59**	**-2.8%**	**18.8**	**1.54**	**1119%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.35	-18.0	12.4	-2.52	0.21	17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.65	-0.12	0.23	0.00	0.49	0.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	46.8	49.8	31.6	44.2	41.7	42.4
Lưu chuyển tiền thuần	**3.00**	**-18.1**	**12.6**	**-2.52**	**0.70**	**18.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.8	31.6	44.2	41.7	42.4	60.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**646**	**632**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	583	558	4.5%
Tiền và tương đương tiền	60.6	31.6	91.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.22	6.60	9.5%
Phải thu ngắn hạn	412	425	-3.1%
Hàng tồn kho	99.1	88.5	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.55	5.76	-38.4%
Tài sản dài hạn	**63.9**	**74.1**	**-13.8%**
Phải thu dài hạn	2.56	2.52	1.5%
Tài sản cố định	13.3	23.2	-42.8%
Bất động sản đầu tư	0.86	0.86	0.0%
Tài sản dở dang	31.7	32.6	-2.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.0	14.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.51**	**0.96**	**56.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.7	96.7	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**92.4**	**96.4**	**-4.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	70.1	77.4	-9.5%
Nợ dài hạn	0.22	0.29	-23.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**554**	**535**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**554**	**535**	**3.5%**
Vốn điều lệ	462	462	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)